

Số: 647/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững  
kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

**I. Quan điểm**

1. Hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển phải bảo đảm thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia, dân tộc Việt Nam.

2. Chủ động và tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm và tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các nước, các tổ chức quốc tế và các đối tác phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển theo yêu cầu đề ra tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

3. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của nước ta trong Biển Đông trên cơ sở Luật Biển Việt Nam và luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

## **II. Mục tiêu**

Thúc đẩy đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm các hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm và tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các nước, các tổ chức quốc tế và các đối tác, góp phần thực hiện thành công các quan điểm, mục tiêu, chủ trương lớn, khâu đột phá và giải pháp chủ yếu được đề ra tại Nghị quyết số 36-NQ/TW; đóng góp tích cực và có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế về vấn đề biển và đại dương; nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

## **III. Nhiệm vụ về hợp tác quốc tế**

### **1. Quản trị biển và đại dương, quản lý tổng hợp vùng bờ**

- Định kỳ rà soát, đánh giá, các cơ chế, chính sách, pháp luật về biển, hải đảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, pháp luật về biển và hải đảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thúc đẩy tham gia và hình thành các cơ chế hợp tác trong quản trị khu vực và toàn cầu đối với các hệ sinh thái biển lớn và bờ biển; quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; lập, thực hiện quy hoạch không gian biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

- Xây dựng cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin, dữ liệu về sinh thái biển cấp độ khu vực và toàn cầu. Nghiên cứu và xây dựng mạng thông tin đa ứng dụng trên biển.

- Tăng cường năng lực cho hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo từ trung ương đến địa phương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

## **2. Phát triển kinh tế biển, ven biển**

### **a) Du lịch và dịch vụ biển**

- Phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch cho các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển du lịch ven biển, hải đảo. Hình thành các trung tâm du lịch ven biển lớn.

- Phát triển du lịch tàu biển và hệ thống cảng biển du lịch quốc tế, kết nối với các tuyến du lịch quốc tế; phát triển các tuyến du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ kết hợp với dịch vụ biển khác.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về phát triển và đầu tư quảng bá hình ảnh Việt Nam và du lịch biển Việt Nam ra thế giới, tập trung quảng bá đôi với các thị trường trọng điểm về du lịch.

### **b) Kinh tế hàng hải**

- Phát triển hệ thống cảng biển quốc gia, đặc biệt các cảng nước sâu trung chuyên quốc tế, cảng biển chuyên dụng gắn với các khu liên hợp công nghiệp, dầu khí, khoáng sản, năng lượng tái tạo... Tăng cường mối liên kết chuyên ngành giữa các cảng lớn trong nước với các cảng khu vực và quốc tế; phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông.

- Phát triển đội tàu vận tải biển hiện đại, cơ cấu hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng.

- Đào tạo và huấn luyện sỹ quan, thuyền viên, nhân viên làm việc trong lĩnh vực hàng hải; đẩy mạnh hợp tác tìm kiếm thị trường xuất khẩu thuyền viên, sỹ quan hàng hải.

- Nâng cao năng lực công tác bảo đảm an toàn hàng hải, tìm kiếm cứu nạn hàng hải trên biển Đông.

- Thực hiện hiệp định hàng hải với các nước; ký kết các hiệp định, các nghị định thư và các thỏa thuận liên quan đến hàng hải của ASEAN, quốc tế và các thỏa thuận công nhận chứng chỉ chuyên môn hàng hải với các nước.

### **c) Thăm dò, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác**

- Xây dựng kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp có tính dẫn dắt và hạt nhân cho chuỗi hoạt động dầu khí và khoáng sản; nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh cung cấp dịch vụ dầu khí, tiến hành có hiệu quả các hoạt động đầu tư về dầu khí ở nước ngoài. Xây dựng hệ thống mạng lưới tuyến đường ống vận chuyển dầu khí dưới biển để tăng tính kết nối nội địa, từng bước kết nối vào mạng lưới đường ống khu vực, nhất là với các nước như Indonesia, Malaysia, Thái Lan.

- Nâng cao khả năng tìm kiếm, thăm dò khoáng sản, dầu khí và các dạng hydrocarbon phi truyền thống tại các bể trầm tích vùng nước sâu xa bờ.

Xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác quốc tế về điều tra khoáng sản biển sâu nhằm xây dựng kế hoạch quốc gia về bảo tồn và khai thác bền vững nguồn khoáng sản biển sâu.

- Nâng cao hiệu quả khai thác, tăng hệ số thu hồi các tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu; đảm bảo việc khai thác, chế biến các tài nguyên khoáng sản với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

#### **d) Nuôi trồng và khai thác hải sản bền vững**

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thủy sản đồng bộ, gắn kết các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần nghề cá, nhằm thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và tiêu thụ.

- Tăng cường bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các giống loài thủy sản quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng; nghiên cứu ngư trường phục vụ quy hoạch phát triển các ngành, nghề thủy sản hiệu quả cao, bền vững; nghiên cứu tham gia các hiệp định nghề cá khu vực và thế giới.

- Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng, chế biến hải sản; phát triển nuôi trồng hải sản trên biển, ven biển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện của môi trường và nguồn lợi thủy sản.

#### **đ) Phát triển các ngành công nghiệp ven biển**

- Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao ở vùng ven biển thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn.

- Phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc hoá dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ.

- Xây dựng và phát triển các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, đóng vai trò chủ đạo trong phát triển vùng và gắn kết liên vùng. Tăng cường tính liên kết ngành trong phát triển và quản lý các ngành công nghiệp tại các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển. Hoàn thiện thể chế phát triển bền vững tại các khu kinh tế biển, ưu tiên hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế của các ngành công nghiệp ven biển.

#### **e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới**

- Triển khai các chương trình điều tra, nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ, xây dựng các điểm điển hình sử dụng năng lượng tái tạo; hợp tác với các nước có tiềm năng, thế mạnh về năng lượng biển trong nghiên cứu, chế tạo, ứng dụng và phát triển năng lượng tái tạo ở biển; phát triển ngành chế tạo thiết

bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị.

- Phát triển một số ngành kinh tế biển mới như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển,...

#### **g) Phát triển kết cấu hạ tầng biển và ven biển**

- Phát triển kết cấu hạ tầng vùng biển đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Phát triển hệ thống sân bay ven biển và ở một số đảo và quần đảo trong Biển Đông; nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, khai thác vùng trời và hệ thống các văn bản hợp tác quốc tế đảm bảo hoạt động bay của Việt Nam tại các khu vực đảo và quần đảo trên Biển Đông.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông biển và vùng ven biển; phát triển mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông trên các đảo và tại các vùng ven biển.

### **3. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển**

- Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục tại các hải đảo.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, sinh thái và bản sắc biển, không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên ở vùng ven biển và hải đảo.

### **4. Điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển**

- Triển khai các nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu về hợp tác quốc tế, bảo đảm thực hiện hiệu quả Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020.

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ biển gắn với điều tra cơ bản biển; phối hợp với các nước có thế mạnh về khoa học biển trong hợp tác, nghiên cứu xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến, xuất sắc; chủ động tham gia tích cực các hoạt động quốc tế trong khuôn khổ Thập kỷ của Liên hợp quốc về khoa học biển vì sự phát triển bền vững giai đoạn 2021-2030.

- Đào tạo phát triển nhân lực biển chất lượng cao, chú trọng các lĩnh vực kinh tế hàng hải, du lịch biển, thủy hải sản, y học biển; xây dựng cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế; đào tạo lại, đào tạo mới, hình thành đội ngũ chuyên gia, đặc biệt là các chuyên gia khoa học đầu đàn, cán bộ quản lý nhà nước có trình độ cao về tài nguyên,

môi trường biển.

- Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để các nhà khoa học Việt Nam tham gia vào các tổ chức khoa học công nghệ biển quốc tế, các ban biên tập các tạp chí quốc tế về biển.

### **5. Bảo vệ môi trường biển, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng**

- Nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần; phòng, chống biển xâm thực, xói sạt lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, hoá chất độc trên biển; đầu tư, đưa vào hoạt động ít nhất một vệ tinh chuyên dụng, phục vụ việc giám sát thiên tai, môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia; nghiên cứu thúc đẩy tham gia các điều ước quốc tế về các lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển; thúc đẩy hình thành khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế về phòng, chống, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương. Xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm quốc tế về rác thải nhựa đại dương tại Việt Nam. Tăng cường quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa đại dương; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường biển, trọng tâm là môi trường ở các khu vực đô thị, khu vực kinh tế, khu công nghiệp, các đảo ven biển có người sinh sống.

- Đẩy mạnh điều tra, nghiên cứu khoa học các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, đầm phá, bãi triều – cửa sông, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn đa dạng sinh học các khu vực biển nằm ngoài vùng tài phán quốc gia.

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống đô thị thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các tỉnh, thành phố ven biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển, bảo đảm theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

### **6. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và thông tin tuyên truyền**

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, lợi ích quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế biển. Đổi mới công tác tập huấn, học tập và trao đổi kinh nghiệm tại các quốc gia có nền quốc phòng phát triển.

- Xác lập, thực thi và bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền

tài phán của nước ta tại các đảo, quần đảo và trên các vùng biển của Việt Nam.

- Củng cố niềm tin và sự trao đổi thông tin giữa các quốc gia về an toàn và an ninh, kiểm soát biên giới, hải quan, kiểm soát đánh bắt cá, bảo vệ môi trường, phòng thủ và thực thi pháp luật trên biển.

- Chủ động, tích cực tham gia và đề xuất, thực hiện các sáng kiến nhằm tăng cường hợp tác biển tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là trong khuôn khổ ASEAN và các cơ chế do ASEAN dẫn dắt và khu vực Thái Bình Dương.

- Phối hợp với các nước ASEAN và Trung Quốc bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), thúc đẩy việc sớm đạt được Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông thực chất, hiệu lực và phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

- Chủ động, duy trì và thúc đẩy các cơ chế đàm phán, đối thoại giải quyết các tranh chấp trên biển với các nước liên quan trong đó có tranh chấp phân định biển, tạo điều kiện để mở rộng hợp tác biển.

- Tăng cường hợp tác, tham gia tích cực, hiệu quả tại các tổ chức chuyên môn quốc tế và khu vực về biển nhằm tăng cường năng lực chuyên môn, khoa học - kỹ thuật, đồng thời góp phần bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trên biển của Việt Nam.

- Nắm tình hình, thu thập thông tin, tài liệu, báo cáo, tham mưu với lãnh đạo Đảng, Nhà nước; trao đổi các bộ, ngành, địa phương liên quan các chủ trương, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về biển, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới vào phát triển bền vững kinh tế biển; giới thiệu, hỗ trợ lựa chọn các nhà khoa học, đối tác quốc tế có uy tín, năng lực tham gia các dự án hợp tác quốc tế; vận động, tranh thủ sự hỗ trợ của các nước, các tổ chức quốc tế và nhân dân tiến bộ thế giới trong phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả các “kênh” hợp tác quốc tế của lực lượng Công an, phối hợp xử lý có hiệu quả các vấn đề, vụ, việc phức tạp về an ninh, trật tự trên biển; thúc đẩy giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống từ hướng biển; bảo vệ ngư trường truyền thống, tàu cá, ngư dân và các hoạt động kinh tế biển của Việt Nam.

- Hợp tác nâng cao năng lực phòng, chống tội phạm khủng bố, ma túy, buôn lậu, buôn bán người qua đường biển, cướp tài sản có vũ trang, tội phạm về môi trường... trên tuyến biển; nâng cao năng lực phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, cứu nạn, cứu hộ, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Phòng, chống hoạt động thu thập bí mật nhà nước trong quá trình hợp

tác quốc tế về biển; tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về thẩm định các yếu tố an ninh, trật tự đối với các đề án, dự án đầu tư, hợp tác với nước ngoài về phát triển bền vững kinh tế biển.

- Phổ biến rộng rãi ra khu vực và trên thế giới các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về biển và hợp tác quốc tế về biển; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; các Công ước và luật pháp quốc tế về biển; quảng bá sâu rộng tiềm năng, thế mạnh về biển Việt Nam. Thông tin kịp thời, đầy đủ chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, thúc đẩy hợp tác quốc tế về biển Việt Nam. Phản ánh các hoạt động hợp tác quốc tế về biển nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc.

#### **IV. Giải pháp**

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hợp tác quốc tế phát triển bền vững kinh tế biển, tạo đồng thuận trong toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả, đa dạng hoá các hình thức, nội dung tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, hải đảo, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Chiến lược thông tin đối ngoại trên trường quốc tế và với kiều bào ta ở nước ngoài.

Đa dạng hóa các loại hình, cách thức thông tin tuyên truyền về biển và hợp tác quốc tế về biển; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục thông tin phù hợp và hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và tạo đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và toàn dân về hợp tác phát triển bền vững kinh tế biển; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền đối ngoại về biển và hợp tác quốc tế, phát triển bền vững kinh tế biển.

2. rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, hành lang pháp lý về biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tích cực tham gia các điều ước quốc tế và chủ động thúc đẩy hình thành cơ chế hợp tác toàn cầu và khu vực liên quan đến biển và đại dương.

3. Đa dạng hóa các kênh và hình thức hợp tác, đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân trong lĩnh vực biển, đảo. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, giữa các cấp, các ngành, giữa ngoại giao song phương, ngoại giao đa phương. Chủ động và tích cực đăng cai tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển.

4. Ưu tiên hợp tác với các nước, các đối tác có nền kinh tế và công nghệ biển hiện đại, tiên tiến trên thế giới. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, khu vực và các quốc gia liên quan, đặc biệt các quốc gia phát triển có kinh nghiệm trong quản lý biển nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, công nghệ, trao



đổi về thông tin và kinh nghiệm; chủ động đề xuất, tiếp cận các dự án, nguồn kinh phí quốc tế cho đầu tư phát triển, nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ chuyên môn, cũng như nâng cao nhận thức của cộng đồng ven biển.

5. Bố trí nguồn kinh phí hợp lý để thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển.

6. Củng cố bộ máy về hợp tác quốc tế về biển ở các bộ, ngành, địa phương có biển; đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ hợp tác quốc tế về biển của các cơ quan, chú trọng xây dựng đội ngũ chuyên gia đàm phán quốc tế về biển. Bố trí chức danh ngoại giao, hợp tác quốc tế về biển tại một số sứ quán Việt Nam ở các nước và tổ chức quốc tế quan trọng.

7. Căn cứ vào kết quả hợp tác, kịp thời phát hiện điều chỉnh, bổ sung các dự án, đề án, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

## **V. Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên: Phụ lục kèm theo.**

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chỉ đạo toàn diện và tổ chức thực hiện Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Ủy ban, có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Đề án. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan đầu mối giúp việc thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trên cơ sở kiến nghị của các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan hướng dẫn và trình cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ Đề án theo quy định.

3. Bộ Ngoại giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, dự án về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia trên biển, công tác thông tin đối ngoại, dự báo chiến lược các vấn đề quốc tế liên quan đến chính sách phát triển kinh tế biển Việt Nam, đẩy mạnh việc tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế liên quan đến phát triển bền vững kinh tế biển.

4. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; xử lý tốt các tình huống, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; kiên quyết, kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững kinh tế biển; đấu tranh với mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển, các tập đoàn kinh tế có liên quan lập và triển khai Kế hoạch hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển của cơ quan, ngành mình để thực hiện Đề án, có trách nhiệm định kỳ báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển của bộ, ngành mình và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp; chủ động bố trí nguồn lực để thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Đề án.

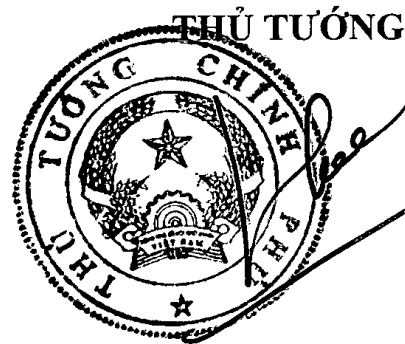
### **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

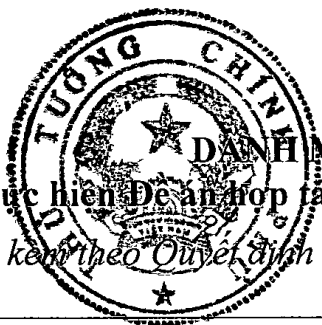
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHQT(3) đh 104



**Nguyễn Xuân Phúc**



**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CẤP BÁCH**  
**Thực hiện Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, dự án</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật huy động các nguồn lực ngoài nước đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
2	Hợp tác quốc tế về quản trị biển, quản lý tổng hợp về tài nguyên, môi trường biển; điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; nghiên cứu khoa học biển.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2030
3	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền thúc đẩy hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí	2021-2030
4	Hợp tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng biển và ven biển: hệ thống cảng biển, sân bay, tuyến đường ven biển.	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
5	Hợp tác xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thủy sản đồng bộ, gắn kết các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng hải đảo thành trạm cung cấp, tiếp tế nhu yếu phẩm, hậu cần khai thác thủy sản, cung cấp các nguồn năng lượng và sơ chế hải sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Hợp tác thí điểm lập Quy hoạch đô thị, Chương trình phát triển đô thị cho 02 đô thị ven biển gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh theo phương pháp quy hoạch, quản lý đầu tư phát triển đô thị mới với sự hỗ trợ của quốc tế; xây dựng 02 mô hình đô thị ven biển có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu và bền vững.	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
7	Hợp tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp cho chuỗi hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí và một số loại khoáng sản biển.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan và các địa phương có biển	2021-2030
8	Hợp tác đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển ngành du lịch ven biển, hải đảo; tổ chức các tuyến du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ; quảng bá du lịch, thương hiệu du lịch biển; lễ hội tôn vinh văn hóa biển, ẩm thực biển; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2030
9	Hợp tác quốc tế trong đào tạo y học biển cho các cán bộ y tế, nhằm xây dựng và phát triển mạng lưới y tế biển, đảo quốc gia và quốc tế, góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho các lao động và nhân dân khu vực biển, đảo.	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2030
10	Bổ sung các chính sách, pháp luật tạo cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế làm việc trong lĩnh vực biển, đảo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực biển chất lượng cao.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
12	Tham gia các thiết chế đa phương khu vực và quốc tế nhằm bảo đảm an ninh, trật tự trên biển và an ninh phi truyền thống.	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
13	Công tác công an thúc đẩy hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030.	Bộ Công an	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
14	Củng cố, xây dựng và thúc đẩy các cơ chế hợp tác chung về biển với các nước ASEAN và nước khác trong khu vực và quốc tế.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2030
15	Xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam đối với các vùng biển, đảo theo luật pháp và điều ước quốc tế, tạo cơ sở pháp lý cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh	Bộ Ngoại giao	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương có biển	2021-2025
16	Bổ sung chức danh ngoại giao, hợp tác quốc tế về biển tại một số sứ quán Việt Nam ở các nước và tổ chức quốc tế quan trọng.	Bộ Nội vụ	Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan liên quan	2021-2025